

Quy định của Ủy ban Basel về đòn bẩy tài chính trong hệ thống ngân hàng thương mại và thực tế áp dụng

PGS. TS. LÊ THỊ TUẤN NGHĨA - ThS. TRƯƠNG HOÀNG DIỆP HƯƠNG

Học viện Ngân hàng

Theo quan niệm truyền thống, đòn bẩy tài chính thường gắn với một doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường. Ngân hàng thương mại (NHTM) là một doanh nghiệp đặc biệt kinh doanh trong lĩnh vực tiền tệ với đặc trưng nổi bật là vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng nguồn vốn của ngân hàng và các loại rủi ro luôn luôn tiềm ẩn. Để hạn chế những rủi ro trong hoạt động ngân hàng, các tổ chức quốc tế đã đưa ra các quy định về an toàn vốn tối thiểu cho NHTM. Với cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008, vấn đề đòn bẩy tài chính của NHTM được đặc biệt quan tâm. Quy định chính thức mức đòn bẩy tài chính trong Basel III như là một quy ước quốc tế để các ngân hàng trung ương (NHTW) các nước đưa ra các quy định và lộ trình cụ thể của mình. Những quy ước này nhằm hạn chế việc lạm dụng quá mức vốn huy động cho hoạt động kinh doanh của NHTM mà hậu quả thật rõ ràng trong những năm khủng hoảng vừa qua. Bài viết điểm lại quy định của Ủy ban Basel về đòn bẩy tài chính và một số chỉ tiêu tương tự, thực tế áp dụng của một số nước sau khi có quy định chính thức về đòn bẩy tài chính của NHTM năm 2010. Đây cũng là gợi ý cho Việt Nam khi xây dựng chỉ tiêu về đòn bẩy tài chính cho NHTM.

Từ khóa: *Basel, đòn bẩy tài chính, NHTM*

1. Quy định của Ủy ban Basel về đòn bẩy tài chính

Tổ chức quốc tế chịu trách nhiệm về đòn bẩy tài chính là Ủy ban Basel về giám sát ngân hàng (Basel Committee on Bank Supervision- BCBS), được thành lập năm



1974, với cơ cấu đầu tiên gồm 12 NHTW và cơ quan giám sát của các quốc gia thuộc khối G10¹, cùng với Thụy Sĩ và Luxembourg. Năm 2009, Ủy ban này mở rộng thêm 17 thành viên, nâng tổng số thành viên lên 29.

Nhiệm vụ quan trọng nhất của Ủy ban Basel là đưa ra chuẩn mực quốc tế về tỷ lệ giới hạn rủi ro trong ngân hàng, bao gồm hệ số an toàn vốn và tỷ lệ đòn bẩy tài chính. Bản thân các quy ước trên không mang tính bắt buộc về mặt pháp lý, do đó các nước thành viên của Ủy ban Basel sẽ phải ban hành luật và hướng dẫn riêng của từng quốc gia theo quy ước này. Đồng thời, quy ước của Ủy ban Basel cũng là cơ sở cho các tổ chức không phải thành viên của Ủy ban Basel hoặc không phải thành viên Euro dự thảo chính sách kiểm soát vốn tối thiểu.

Quy ước quốc tế về đòn bẩy tài chính được biểu hiện trong các Hiệp ước vốn Basel I năm 1988, Basel II năm 2004 và Basel III năm 2010. Theo thời gian, các Hiệp ước Basel đã có sự nâng cao dần cả về chất và lượng. Các Hiệp ước này quy định khung cụ thể về giới hạn vốn tối thiểu trên tổng tài sản theo cấp độ rủi ro, từ đó ảnh hưởng tới tỷ lệ đòn bẩy tài chính trong hoạt động ngân hàng. Đặc điểm chung của 3 Hiệp ước vốn Basel là: (i) Sự ra đời của các Hiệp ước Basel gắn liền với nhu cầu thắt chặt quản lý rủi ro khi môi trường kinh tế vĩ mô bất ổn; (ii) khoảng cách giữa thời điểm dự thảo Hiệp ước và thời gian yêu cầu thực thi thường được tính bằng năm. Do đó, Hiệp ước Basel mang tính chất dự phòng (cải thiện khả năng phòng ngừa rủi ro của hệ thống ngân hàng trong tương lai) hơn là chính sách tức thời. Cũng cần nhấn mạnh rằng sự thay đổi từ từ trong cấu trúc vốn này là tất yếu, do yêu cầu vốn tối thiểu tăng lên sẽ hạn chế khả năng cho vay của ngân hàng.

1.1. Những quy định về an toàn vốn của Basel I

Basel I (tên chính thức: Thống nhất quốc tế về đo lường vốn và tiêu chuẩn vốn) được soạn thảo năm 1982 dưới áp lực cuộc khủng hoảng tài chính Mỹ Latinh đầu những năm 80. Tại thời

điểm đó, 3 nước Mexico, Argentina và Brazil rơi vào nguy cơ vỡ nợ (Goodhart, 2011). Điều này dẫn tới lo ngại rằng mức độ dự trữ vốn của các NHTW Mỹ là không đủ. Do đó, Quốc hội Mỹ đã thông qua dự luật về nâng cao tỷ lệ vốn tối thiểu đối với Ngân hàng Mỹ (International Lending Supervision Act-ILSA 1983), nhưng họ đồng thời cũng lo ngại rằng sự căng thẳng về cạnh tranh và sự xung đột về kiểm soát giữa những ngân hàng đa quốc gia có thể xảy ra. Vì vậy, BCBS đã soạn thảo Basel I nhằm đưa ra một sự thống nhất chung về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu trên thế giới. Basel I hoàn thành vào năm 1988 và chính thức có hiệu lực vào năm 1992 (Ersel, 2011).

Như vậy, những nỗ lực quản lý tỷ lệ đòn bẩy tài chính trong NHTM đã được bắt đầu từ rất sớm, ngay từ khi Hiệp ước Basel I ra đời năm 1988, nhưng không được đầy đủ. *Basel I không trực tiếp đưa ra tỷ lệ đòn bẩy tài chính, mà chỉ đưa ra hệ số an toàn vốn (CAR)*. Khi đó, tỷ lệ tương quan giữa vốn và tổng tài sản sẽ được điều chỉnh thông qua tỷ lệ giữa vốn và tổng tài sản theo cấp độ rủi ro (risk weighted asset). Trong đó, tổng tài sản theo cấp độ rủi ro là giá trị thực tế của tài sản nhân mức trọng số rủi ro chỉ định (thể hiện khả năng mất vốn tín dụng- credit risk) của tài sản đó.

Tỷ lệ này, theo quy định của Basel I, không phản ánh đúng mức độ rủi ro trong hoạt động ngân hàng khi không đề cập tới các loại rủi ro khác ngoài rủi ro tín dụng và không có mức trọng số rủi ro riêng đối với từng tài sản (Balin, 2008). Thay vào đó, Basel I sử dụng một mức trọng số chung cho một khoản quá rộng các loại tài sản (như khoản tín dụng doanh nghiệp tư nhân nói chung) khiến các tài sản không được đánh giá rủi ro đúng thực tế. Điều này dẫn đến hệ số tương quan giữa vốn và tài sản theo Basel I thấp, khiến tỷ lệ đòn bẩy tài chính tại ngân hàng cao hơn mức rủi ro mà ngân hàng có thể chấp nhận.

1.2. Những quy định về an toàn vốn của Basel II

Basel II được dự thảo năm 1999 sau cuộc khủng hoảng ngân hàng những năm 90. Tại thời điểm đó, các quy định của Basel I đã không còn phù hợp. Thị trường tiền tệ càng phức tạp, các công

¹ G10: Bỉ, Canada, Pháp, Đức, Ý, Nhật Bản, Hà Lan, Thụy Điển, Anh, Mỹ



cụ phái sinh phát triển mạnh và quá trình toàn cầu hóa mạnh mẽ đã dẫn tới sự phức tạp trong cả cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn của các NHTM. Do đó, việc Basel I quy định trọng số rủi ro cụ thể cho từng danh mục đầu tư tại tất cả các ngân hàng G10 đã không còn phù hợp. Ngoài ra, các rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá, và đặc biệt là rủi ro vận hành ngày càng lớn dẫn tới yêu cầu phải có các quy định về vốn tối thiểu liên quan tới các rủi ro này. Basel II được phát hành năm 2004, chính thức có hiệu lực vào tháng 1/2007 và kết thúc chuyển đổi vào năm 2010.

Quy ước Basel II gồm 3 trụ cột cơ bản: (i) Trụ cột 1, yêu cầu vốn tối thiểu; (ii) Trụ cột 2, công tác kiểm tra rà soát; (iii) Trụ cột 3, thông tin thị trường. Trong đó trụ cột 1 liên quan xác định tỷ lệ CAR (hệ số an toàn vốn) gần với quy định về đòn bẩy tài chính. Trụ cột này kế thừa Basel I với tỷ lệ CAR tối thiểu bằng 8%. Tuy nhiên, để tránh hạn chế của Basel I khi cho phép ngân hàng có một cấu phần tài sản rủi ro hơn trong khi vẫn giữ nguyên mức vốn quy định, Basel II đã đưa ra nhiều điểm cải tiến trong cách xác định tỷ trọng vốn tối thiểu.

Một là, Basel II đưa ra 3 mô hình để xác định trọng số rủi ro cho các loại tài sản của ngân hàng, bao gồm xác định trọng số rủi ro theo (1) phương pháp tiêu chuẩn, (2) theo phương pháp xếp hạng tín dụng nội bộ và (3) theo phương pháp xếp hạng tín dụng nội bộ nâng cao. Tại phương pháp (1), ngân hàng xác định trọng số rủi ro cho danh mục tài sản phụ thuộc vào đánh giá tín dụng của

các tổ chức xếp hạng chuyên nghiệp. Theo đó, mức trọng số cho trái phiếu chính phủ sẽ từ 0% (hạng AAA) lên 150% (hạng dưới BB-). Mức trọng số cho các khoản vay liên ngân hàng và các khoản vay tín dụng sẽ cao hơn nếu có cùng mức xếp hạng. Tại phương pháp (2) và (3), ngân hàng có thể xây dựng mô hình để tự xếp hạng tín dụng đối với các tài sản nợ của họ, dựa trên xác suất mất vốn của tài sản và độ phụ thuộc của ngân hàng tới các tài sản đó.

Hai là, nâng cao hơn Basel I, Basel II đã đề cập tới rủi ro vận hành và rủi ro thị trường. Theo đó, tỷ lệ Basel được biến đổi để phù hợp với thực trạng hệ thống ngân hàng thế giới.

Đối với rủi ro vận hành, Basel II đưa ra 3 phương pháp nhằm xác định mức rủi ro vận hành. Nhìn chung, các tổ chức tín dụng sẽ xác định mức vốn cần thiết để phòng ngừa rủi ro bằng từ 12-18% lợi nhuận gộp, tùy thuộc vào loại hình kinh doanh. Ví dụ, các NHTM được yêu cầu giữ mức vốn tối thiểu để phòng ngừa rủi ro vận hành bằng 15% lợi nhuận gộp, trong khi tỷ lệ này là 18% đối với các doanh nghiệp tài chính.

Đối với rủi ro thị trường, Basel II cũng cung cấp 3 sự lựa chọn, với phương pháp Value at Risk (VAR) là chủ yếu để lượng hóa rủi ro của các tài sản có thu nhập cố định, thông qua lịch sử diễn biến giá cả của các tài sản này. Các loại tài sản không có thu nhập cố định (như chứng khoán, ngoại tệ) sẽ có trọng số rủi ro trong khoảng 2,25% đến 100% giá trị tài sản, dựa trên tính rủi ro của từng danh mục tài sản cụ thể.

Việc đưa ra nhiều mô hình mới đã tạo cơ hội cho các ngân hàng lựa chọn phương pháp thích hợp với đặc điểm cấu phần tài sản của ngân hàng mình. Đồng thời, dù tỷ lệ CAR tối thiểu không tăng, nhưng Basel II đã yêu cầu ngân hàng tăng vốn điều lệ, thông qua việc tăng tỷ trọng rủi ro lên mức 150%, đưa thêm yêu cầu vốn đối với rủi ro vận hành, rủi

Bảng 1. Tỷ trọng rủi ro theo tiêu chuẩn của Basel II

Xếp hạng tín dụng	Tỷ trọng rủi ro theo phương pháp tiêu chuẩn (Basel II) (%)			Tín dụng thương mại (%)
	Trái phiếu chính phủ (%)	Cho vay liên ngân hàng (%)		
		Theo xếp hạng tín dụng chính phủ	Theo xếp hạng tín dụng ngân hàng	
AAA đến AAA-	0	20	20	20
A+ đến A-	20	50	50	50
BBB+ đến BBB-	50	100	50	100
BB+ đến BB-	100	100	100	100
Dưới B-	150	150	150	150
Không xếp hạng	100	100	50	100

Nguồn: BCBS, 2004



Bảng 2. Vốn cấp 1 theo Basel III

Chỉ tiêu	Thành phần
Vốn cổ phần thường cấp 1	Cổ phiếu thường được phát hành bởi ngân hàng, vốn cổ phần thặng dư, lợi nhuận để lại, các quỹ doanh thu tích lũy, cổ phiếu thường được phát hành bởi công ty con hợp nhất của ngân hàng và được giữ bởi bên thứ 3 (ví dụ cổ phiếu cổ đông thiểu số) và một số điều chỉnh theo quy định của Basel III.
Vốn cấp 1 bổ sung	Các loại chứng khoán do ngân hàng phát hành và đáp ứng đủ điều kiện của Basel III (Bảng 4), vốn thặng dư từ việc phát hành các chứng khoán đó, chứng khoán được phát hành bởi công ty con hợp nhất của ngân hàng đủ điều kiện và một số điều chỉnh theo quy định của Basel III.
Một số điều chỉnh theo quy định	Các khoản cần được loại trừ khi xác định vốn cấp 1, bao gồm: Lợi thế cạnh tranh (goodwill) và các khoản vốn vô hình khác, thuế trả trước (deferred tax assets) phụ thuộc vào lợi nhuận của ngân hàng, dự trữ nhằm bảo đảm dòng tiền (cash flow hedge reserve) liên quan tới các tài sản không được thể hiện bởi giá trị hợp lý trên bảng cân đối kế toán (bao gồm các khoản tiền dự tính), thu nhập liên quan tới các hoạt động chứng khoán hóa, và một số khoản khác.

Nguồn: BCBS, 2011

ro thương mại và việc xem trái phiếu chính phủ các nước như một tài sản rủi ro cần có vốn đảm bảo.

Như vậy, lượng vốn chủ sở hữu tối thiểu mà các tổ chức tín dụng phải có nhằm đáp ứng nhu cầu của Basel II là:

Vốn yêu cầu = 0,08 x Tổng tài sản theo cấp độ rủi ro + Vốn phòng ngừa rủi ro thương mại + Vốn phòng ngừa rủi ro vận hành

Trong đó, vốn yêu cầu bao gồm vốn cấp 1, vốn cấp 2, trừ đi khoản giảm trừ, với vốn cấp 2 không vượt quá 100% vốn cấp 1.

Việc cho phép lựa chọn phương thức xác định trọng số rủi ro theo quy định của Basel dẫn tới một số khác biệt trong tỷ lệ CAR giữa các ngân hàng. Tuy nhiên, điều này là tất yếu do quy ước Basel chỉ đặt ra nền tảng cơ bản chứ không chi tiết hóa phương thức quản lý và tính toán chỉ số CAR của từng quốc gia, ngân hàng. Dù vậy, cần nâng cao việc công bố thông tin về quá trình tính toán và thu thập số liệu nhằm giúp thu hẹp khoảng cách và giúp người đầu tư hiểu đúng về thực trạng CAR của ngân hàng.

Mặc dù các thành viên Hiệp ước Basel đã đề cao vai trò của hệ thống ngân hàng các nước đang phát triển trong hệ thống liên ngân hàng thế giới, tuy nhiên, Hiệp ước Basel II một lần nữa được nêu rõ không dành cho các nước đang phát triển và cũng không phù hợp với các nước này, vì một vài lý do: (i) Basel II dành nhiều quyền hạn cho cả nhà quản lý giám sát và cho ngân hàng trong việc tự quyết định phương pháp tính

vốn tối thiểu theo tổng tài sản phân theo cấp độ có rủi ro. Trong khi đó, hệ thống quản lý của các ngân hàng và của NHTW các nước đang phát triển có thể không đáp ứng được nhiệm vụ trên; (ii) Khi xác định trọng số rủi ro tín dụng, Basel II khuyến khích việc sử dụng xếp hạng tín dụng của các tổ chức xếp hạng uy tín (như Moody's, S&P và Fitch), điều gần như khó thực hiện đối với các công ty tại các nước đang phát triển. Theo đó, ngân hàng các nước đang phát triển cũng không thể có được xếp hạng tín dụng cho các khoản nợ của họ.

Basel II đã mở rộng tính áp dụng được của Basel I thông qua việc cho phép các ngân hàng sử dụng phương pháp nội bộ xác định trọng số rủi ro, đồng thời tăng mức tỷ lệ yêu cầu thông qua việc bổ sung rủi ro vận hành và rủi ro thương mại. Như vậy, dù vẫn không có quy định trực tiếp nhưng tỷ lệ đòn bẩy tài chính trong hoạt động ngân hàng đã được giới hạn hợp lý hơn.

Tuy nhiên, trong cuộc khủng hoảng 2007-2009, quy định về tỷ lệ vốn tối thiểu trong hệ thống ngân hàng được chứng tỏ là không hiệu quả. Ngân hàng không có mức vốn chủ sở hữu đủ cần thiết để giữ hệ thống hoạt động bình thường trong giai đoạn khó khăn mà không có sự trợ giúp của chính phủ, với bằng chứng là sự sụp đổ của Ngân hàng lớn Leman's Brother.

1.3. Basel III xác định rõ mức quy định về đòn bẩy tài chính

Cuộc khủng hoảng kinh tế 2007-2009 là dấu mốc quan trọng thay đổi quy ước quốc tế về



Bảng 3. Tổng tài sản theo Basel III

Chỉ tiêu	Nội dung
Tài sản trên bảng cân đối kế toán	Ngân hàng phải đưa tất cả các tài sản trên bảng cân đối kế toán vào tổng tài sản theo giá trị kế toán.
Các công cụ tài chính phái sinh	Tài sản công cụ tài chính tính đến cả rủi ro khi định giá thấp giá trị của các hợp đồng phái sinh và rủi ro tín dụng đối tác (counterparty credit risk).
Giao dịch tài trợ chứng khoán hóa	Các giao dịch tài trợ chứng khoán (securities financing transaction) sẽ được tính vào tổng tài sản một phần hoặc toàn bộ giá trị giao dịch tùy vào phương thức tài trợ của ngân hàng.
Các tài sản ngoài bảng cân đối kế toán	Với mục đích tính chỉ số đòn bẩy tài chính, các tài sản ngoài bảng sẽ đổi thành các tài sản tín dụng tương đương thông qua chỉ số chuyển đổi (credit conversion factors). Chỉ số chuyển đổi này sẽ thay đổi từ 10% đến 100%, tùy vào tính chất của từng tài sản ngoài bảng.

Nguồn: BCBS, 2014

đòn bẩy tài chính trong ngân hàng. Cuộc khủng hoảng này đã cho thấy xu hướng hệ số an toàn vốn thấp dần trước khủng hoảng không phản ánh việc giảm rủi ro trong hệ thống ngân hàng. Trái lại, sự tăng cao của đòn bẩy tài chính trước khủng hoảng và sự sụt giảm sau khủng hoảng thể hiện đây là chỉ số dự đoán rủi ro chính xác hơn. Từ thực trạng trên, Ủy ban Basel đã ban hành Basel III nhằm nâng cao mức quy định về an toàn hệ thống ngân hàng so với Basel II.

Ngoài việc thắt chặt quy định về hệ số an toàn vốn CAR, Basel III đã bổ sung quy định về đòn bẩy tài chính, theo đó đưa ra yêu cầu về mức vốn tối thiểu cần thiết dựa trên giá trị tài sản không phân theo trọng số rủi ro. Mục tiêu của quy định này là hạn chế sự tăng trưởng quá mức của tỷ lệ đòn bẩy tài chính trong các tổ chức tín dụng, cũng như hạn chế sự bất ổn định trong quá trình giảm đòn bẩy tài chính sau khủng hoảng kinh tế.

Quy định này ra đời, do Hiệp ước Basel III cho rằng hệ số an toàn vốn chưa đủ để đánh giá độ ổn định của ngân hàng. Trong tình huống hệ số an toàn vốn không thay đổi nhưng tỷ lệ đòn bẩy tăng cao cũng có thể báo hiệu những rủi ro tiềm ẩn trong hệ thống NHTM. Tuy nhiên, quy định về cán cân đòn bẩy không nên hiểu là sự thay thế cho quy định về CAR, mà được sử dụng như một phương pháp bổ sung cho CAR của Hiệp ước Basel III, bên cạnh chỉ số an toàn vốn và dưới sự cho phép của nhà quản lý.

Tỷ lệ đòn bẩy tài chính được tính dựa trên tổng tài sản không theo trọng số rủi ro và được yêu cầu phải lớn hơn 3%.

Tỷ lệ đòn bẩy tài chính = $\frac{\text{Vốn cấp 1}}{\text{Tổng tài sản}} \geq 3\%$

Trong đó, vốn cấp 1 (Tier 1 capital) theo định nghĩa của Basel trong quy định về hệ số an toàn vốn gồm hai thành phần là vốn cổ phần thường cấp 1 (Common Equity Tier 1) và vốn cấp 1 bổ sung (Additional Tier 1 capital). Quy định cụ thể về vốn cấp 1 được thể hiện trong Bảng 2.

Tổng tài sản bao gồm cả tài sản nội bảng và ngoại bảng của ngân hàng, với 4 thành phần chính thể hiện trong Bảng 3.

Như vậy, các quy định về đòn bẩy tài chính đã có những bước phát triển rõ ràng, từ việc chưa có quy định trực tiếp về đòn bẩy tài chính và các quy định gián tiếp chưa chặt chẽ tại Basel I đến việc ban hành quy định đòn bẩy tài chính tại Basel III. Quá trình biến đổi này diễn ra khá chậm và đều được bắt đầu sau những cuộc khủng hoảng tài chính lớn. Hậu quả tất yếu là hệ thống ngân hàng đã bị thiệt hại lớn trước khi những quy định này ra đời (ví dụ như sự sụp đổ của Ngân hàng Lehman Brothers). Tuy nhiên, do được phát triển từ những sai lầm, các quy định về đòn bẩy tài chính do Basel III ban hành được đánh giá là chặt chẽ.

2. Thực tế áp dụng quy ước quốc tế về đòn bẩy tài chính ở một số quốc gia

Quy ước Basel III về mức đòn bẩy tài chính yêu cầu những ngân hàng có hoạt động quốc tế công khai chỉ số này từ 01/2015, yêu cầu các quốc gia chuẩn hóa quy định từ 01/2017, tiến tới chính thức giới hạn mức đòn bẩy tài chính từ 01/2018 (BCBS, 2014). Theo quy ước, các quốc



Bảng 4.

Điều kiện để các chứng khoán phát hành được tính vào vốn bổ sung cấp 1 theo Basel III

TT	Tiêu chí
1	Chứng khoán được ngân hàng hoặc công ty con hợp nhất của ngân hàng phát hành và được thanh toán.
2	Là nợ hạng hai của ngân hàng.
3	Những chủ nợ không được đảm bảo rằng việc mua chứng khoán sẽ làm tăng cấp độ quyền truy đòi của họ.
4	Có giá trị vĩnh viễn, không có ngày đáo hạn.
5	<p>Yêu cầu được trả lại phần vốn mua chứng khoán có thể được thực hiện nếu có sự khởi xướng của bên phát hành nhưng chỉ sau thời hạn tối thiểu là 5 năm:</p> <p>a. Để có thể thực hiện yêu cầu trên ngân hàng cần sự đồng ý của đơn vị giám sát.</p> <p>b. Ngân hàng không làm bất cứ điều gì để tạo ra kỳ vọng cho người mua là sẽ thực hiện yêu cầu trả trước này.</p> <p>c. Ngân hàng không được thực hiện yêu cầu trả trước trừ trường hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Họ thay thế chứng khoán đang yêu cầu trả trước với một khoản vốn có chất lượng tương đương hoặc tốt hơn, và khoản vốn này được thực hiện với điều kiện đảm bảo tính bền vững cho hoạt động tạo ra doanh thu của ngân hàng. Việc thay thế có thể xảy ra trước hoặc cùng thời điểm, nhưng không được xảy ra sau yêu cầu trả trước. - Ngân hàng chứng minh rằng chất lượng và tỷ lệ vốn của họ vượt trên yêu cầu về tỷ lệ vốn tối thiểu sau khi việc yêu cầu trả trước được thực hiện.
6	Bất cứ khoản trả lại phần vốn gốc nào (ví dụ thông qua việc mua lại hoặc hoàn trả lại) phải có sự cho phép trước của đơn vị giám sát, và ngân hàng không được tạo ra hoặc giả định rằng đơn vị giám sát sẽ cấp phép.
7	<p>Thận trọng về cổ tức/lãi suất:</p> <p>Ngân hàng phải thận trọng khi quyết định không chia cổ tức hoặc trả phần lãi suất.</p> <p>Việc quyết định không chia cổ tức không phải là một quyết định theo tính mặc định.</p> <p>Ngân hàng phải phải đánh giá toàn diện khi quyết định không trả lãi suất để thực hiện nghĩa vụ thanh toán đến hạn.</p>
8	Cổ tức/lãi suất phải được trả sau các khoản phân phối.
9	Cơ chế chi trả cổ tức/lãi suất của các chứng khoán này không nhạy cảm với đánh giá tín dụng, tức là phần cổ tức/lãi suất chỉ được thiết lập lại theo định kỳ dựa vào toàn bộ hoặc một phần của việc đánh giá vị thế tín dụng của ngân hàng.
10	Trong trường hợp chỉ số nợ/tài sản là một chỉ tiêu đánh giá trong quy định quốc gia về luật phá sản, các chứng khoán thuộc khoản mục vốn bổ sung cấp 1 không được phép sử dụng để tính chỉ tiêu trên.
11	<p>Chứng khoán được xếp vào khoản mục nợ cho mục đích kế toán phải có phương thức hấp thụ vốn mất, thông qua: (i) Chuyển đổi thành cổ phiếu thường tại thời điểm dự định trước và (ii) sử dụng bút toán xóa sổ và phân chia phần vốn mất tại thời điểm dự định trước. Việc sử dụng bút toán xóa sổ có những hệ quả sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Giảm quyền thu hồi của các chứng khoán đó khi thanh lý. Giảm khoản tiền được trả khi ngân hàng thực hiện trả lại phần vốn góp mua chứng khoán. Giảm một phần hoặc toàn bộ cổ tức/lãi suất.
12	Ngân hàng hoặc bất kỳ tổ chức nào mà ngân hàng nắm quyền chi phối và có ảnh hưởng lớn không được quyền mua các chứng khoán trên. Các đơn vị trên cũng không thể tài trợ trực tiếp hoặc gián tiếp cho việc mua các chứng khoán trên.
13	Chứng khoán không bao gồm bất cứ đặc điểm nào thể hiện việc tái cấp vốn, ví dụ như một khoản dự phòng yêu cầu tổ chức phát hành bồi thường cho nhà đầu tư nếu chứng khoán mới được phát hành ở mức giá thấp hơn trong một khoảng thời gian nhất định.
14	Trong trường hợp chứng khoán được phát hành cho cả các tổ chức điều hành (là các tổ chức thành lập để thực hiện kinh doanh với khách hàng và có lợi nhuận riêng) hoặc các công ty nắm giữ quyền chủ chốt tại các tổ chức hợp nhất, việc thực hiện phải được tiến hành ngay và không có hạn chế riêng biệt nào cho các tổ chức trên. Chứng khoán vẫn phải thỏa mãn tất cả các tiêu chí trên.

Nguồn: BCBS, 2011



Bảng 5. Quy định hiện hành và định hướng về mức đòn bẩy tài chính một số quốc gia

Quốc gia	Quy định
Anh	8 ngân hàng và quỹ xây dựng lớn được kỳ vọng đáp ứng yêu cầu 3% đòn bẩy tài chính từ tháng 01/2014. Tỷ lệ này được dự kiến sẽ tăng lên tối thiểu mức 4%, và thời gian yêu cầu thực hiện sớm hơn năm 2018 (Cunliffe, 2014). Tỷ lệ này phải đáp ứng bằng vốn cấp 1, tài sản bao gồm cả tài sản ngoại bảng và nội bảng.
Canada	Trước Basel III, Canada đã áp dụng quy định tỷ lệ vốn trên tổng tài sản tối thiểu ở mức 5% và được dự kiến sẽ giảm xuống mức 4,35%. Tỷ lệ này được xác định bằng tổng nguồn vốn/ tổng tài sản nội bảng. Vào tháng 01/2014, OFSI (cơ quan quản lý tại Canada) đã đưa ra kế hoạch thay thế tỷ lệ vốn/ tổng tài sản bằng tỷ lệ đòn bẩy tài chính 3% theo Basel III. OFSI sẽ tiếp tục có quy định khác nhẹ hơn đối với từng tổ chức tín dụng.
Thụy Sĩ	Tỷ lệ đòn bẩy tài chính được áp dụng cho các ngân hàng lớn D-SIBs và G-SIBs bắt đầu từ 01/2013, với mức yêu cầu từ 3,1% đến 4,56% đến năm 2019, tùy thuộc vào mức độ rủi ro của các tổ chức. Tỷ lệ này được đáp ứng bằng vốn cổ phần thường và trái phiếu chuyển đổi tùy điều kiện (contingent convertible bond). Quy định về tài sản được dự kiến sẽ thay đổi theo định nghĩa của Basel III, bao gồm cả tài sản nội bảng và ngoại bảng, bắt đầu áp dụng từ 01/01/2016.
Mỹ	Trước Basel III, Mỹ đã có quy định về đòn bẩy tài chính, với ngưỡng yêu cầu là 4%, và phải được đáp ứng bởi vốn cấp 1, không bao gồm tài sản ngoại bảng. Quy định này vẫn được áp dụng tại thời điểm hiện tại, nhưng được dự kiến sẽ thay đổi vào tháng 01/2018. Mức đòn bẩy được yêu cầu chung cho hệ thống sẽ là 3%, trong khi các ngân hàng quốc tế có tầm ảnh hưởng lớn toàn hệ thống (Globally systemically important banks G-SIBs) có mức đòn bẩy tài chính yêu cầu là 5%. Các tổ chức tín dụng bảo hiểm quốc tế có tầm quan trọng sẽ phải đạt mức 6% mới được xem xét là có mức vốn tốt. Tỷ lệ này phải được đáp ứng bằng vốn cấp 1. Cơ quan quản lý tại Mỹ đang đưa ra kết luận cuối cùng về phương thức xác định tài sản để tính đòn bẩy tài chính, và được định hướng theo phương thức của Basel.
Đan Mạch	Theo Báo cáo của Ủy ban Đan Mạch về nguyên nhân khủng hoảng kinh tế, Ủy ban Đan Mạch ủng hộ sự điều chỉnh trong quy định quản lý, kết hợp giữa đòn bẩy tài chính và hệ số an toàn vốn tối thiểu. Báo cáo cũng chỉ ra sự nghi ngờ của Ủy ban là liệu việc duy trì đòn bẩy tài chính ở mức 3% có đủ để ngân hàng có thể duy trì hoạt động lành mạnh.
Hà Lan	Vào tháng 8/2013, Bộ Tài chính Hà Lan đã kiến nghị mức đòn bẩy tài chính ở mức tối thiểu 4% đối với các ngân hàng có tầm ảnh hưởng lớn. Quốc Hội Hà Lan hiện đang thảo luận về dự thảo này.
Thụy Điển	Vào tháng 5/2014, Ủy Ban ổn định tài chính (Financial Stability Council) đã quyết định rằng sự cần thiết của việc giới thiệu đòn bẩy tài chính trước các chuẩn mực của Châu Âu là cần được đánh giá kỹ.

Nguồn: Bank of England, 2014; PRA, 2013

gia thuộc Ủy ban Basel đã tiến hành soạn thảo các dự thảo luật về đòn bẩy tài chính trong hoạt động ngân hàng. Theo báo cáo của Ủy ban Basel (BCBS, 2014), tính đến tháng 11/2014, 4 quốc gia thành viên của Ủy ban Basel đã đưa ra điều luật chính thức và thúc đẩy thực hiện, 11 quốc gia đã đưa ra điều luật chính thức nhưng chưa thúc đẩy thực hiện, và 8 quốc gia đã đưa ra dự thảo điều luật.

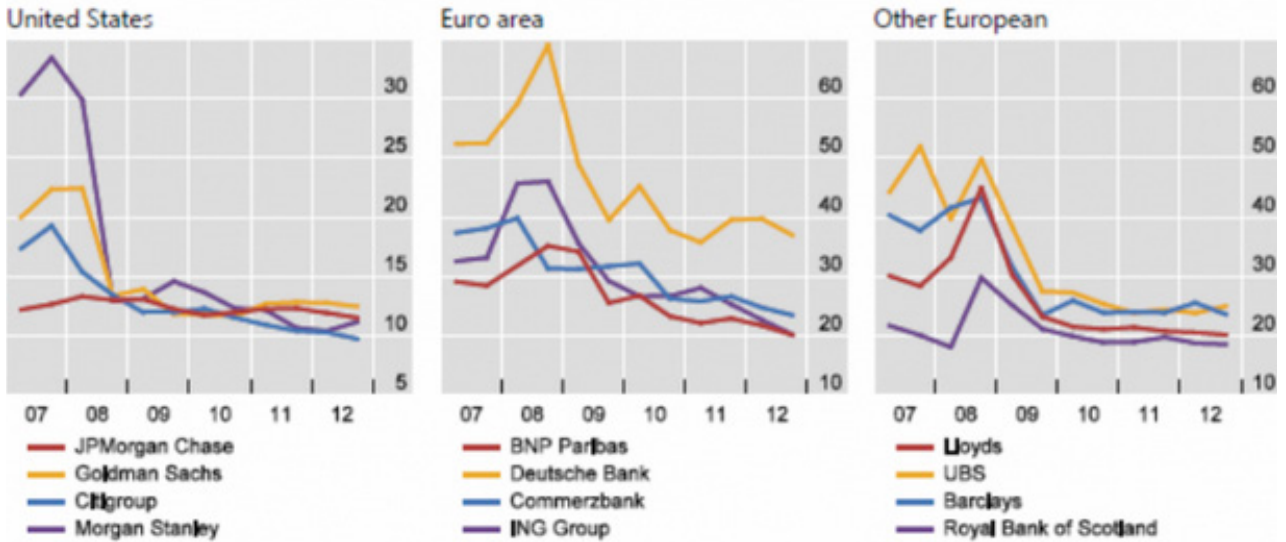
Có thể thấy Basel III đã thúc đẩy sự ra đời các qui định về đòn bẩy tài chính điều tại các quốc gia. Trước sự ban hành của Basel III, chỉ 2 quốc

gia là Mỹ và Canada có quy định về mức đòn bẩy tài chính trực tiếp (trên tài sản không có trọng số rủi ro) (Bank of Canada, 2009). Sau sự ban hành của Basel III, hầu hết các thành viên của Ủy ban Basel đều đã có định hướng và có các văn bản hướng dẫn, dự thảo về đòn bẩy tài chính. Sự thống nhất giữa quy định của các quốc gia cũng tăng dần theo định hướng đòn bẩy tài chính theo tính toán của Basel III, kéo theo khả năng so sánh được giữa mức đòn bẩy tài chính báo cáo của các quốc gia khác nhau.

Với những quy định trên, mức đòn bẩy tài



Hình 1. Mức đòn bẩy tài chính trong giai đoạn 2007- 2012



Note: financial accounts reported under IFRS except for US banks (US GAAP).

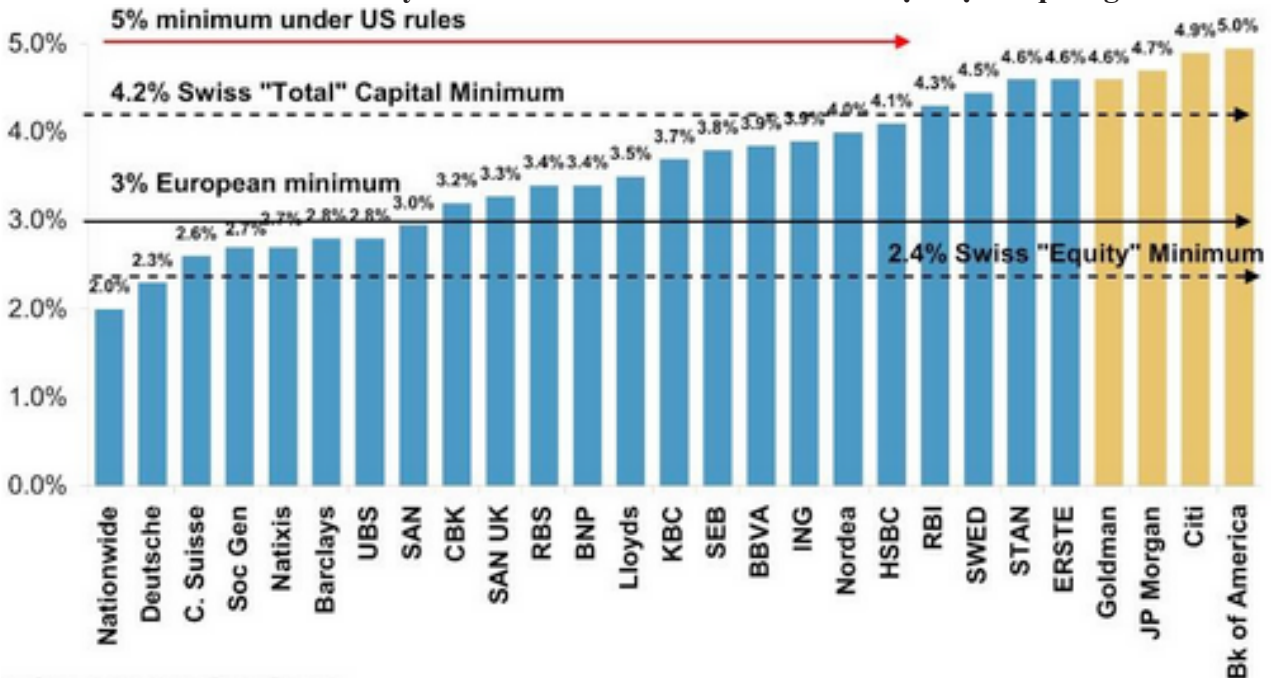
Nguồn: Grenville, 2013

chính tại các ngân hàng đã giảm xuống đáng kể. Grenville (2013) đã tổng hợp báo cáo tài chính của các ngân hàng lớn tại Mỹ và Châu Âu trong giai đoạn từ 2007- 2012 và cho thấy xu hướng giảm đòn bẩy tài chính. Đòn bẩy tài chính (tính theo tổng tài sản/tổng nguồn vốn) tại tất cả các ngân hàng theo dõi đều giảm mạnh trong năm

2008. Trong đó, mức đòn bẩy tài chính tại Morgan Stanley giảm từ mức xấp xỉ 35 lần tại năm 2007 xuống mức 12 lần năm 2012, tại Deutsche Bank giảm từ mức 70 lần năm 2007 xuống mức 38 lần năm 2012, là hai ngân hàng có mức giảm nhiều nhất.

Dù mức đòn bẩy tài chính đã giảm, nhưng

Hình 2. Mức đòn bẩy tài chính theo Basel III năm 2013 tại một số quốc gia



Nguồn: Morgan Stanley, 2013



tỷ lệ vốn cấp 1/tổng tài sản (đòn bẩy tài chính theo công thức của Basel III) thực tế tại nhiều ngân hàng vẫn thấp hơn so với mức tiêu chuẩn dự kiến. Điều này dẫn đến yêu cầu các ngân hàng cần có biện pháp tăng vốn nhằm đáp ứng tiêu chuẩn của quy ước Basel mới. Theo Morgan Stanley (2013), với mức đòn bẩy tài chính quy định 5% ở Mỹ, không có một ngân hàng nào trong mẫu nghiên cứu đáp ứng được yêu cầu; với mức quy định của Basel III và Châu Âu 3%, một số ngân hàng như lớn như Nationwide, Barclays, Deutsche Bank, UBS vẫn thấp hơn.

Một báo cáo vĩ mô hơn được thực hiện bởi Ủy ban Ngân hàng Châu Âu (European Banking Authority, 2014) cho thấy, mức đòn bẩy tài chính (theo định nghĩa của Basel III) tại các ngân hàng nhóm 1 là 3,7% và tại các ngân hàng nhóm 2 là 4,5% tại thời điểm 12/2013. Trong số đó, có khoảng 80% ngân hàng thuộc cả 2 nhóm này sẽ đáp ứng được mức mục tiêu là 3,0%, tương ứng với 20% ngân hàng cần tiếp tục cải thiện vị trí vốn của mình. Với thực trạng trên, theo tính

toán của Ủy ban này, những ngân hàng chưa đáp ứng được yêu cầu sẽ phải huy động thêm khoảng 21,6 tỷ EUR với ngân hàng nhóm 1 và 27,3 tỷ EUR với ngân hàng nhóm 2 nhằm đáp ứng đủ tiêu chuẩn đòn bẩy tài chính, với mức tài sản như hiện tại.

Ở Việt Nam, ngay trong Pháp lệnh Ngân hàng, hợp tác xã tín dụng và công ty tài chính ngày 23/5/1990 đã quy định: “Tổ chức tín dụng không được huy động vốn quá 20 lần tổng số vốn tự có và quỹ dự trữ” (Điều 23) nhằm hạn chế việc huy động vốn quá mức của các tổ chức tín dụng. Đối với tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu, quy định cụ thể có liên quan đầu tiên là Quyết định 297/1999/QĐ-NHNN5 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) quy định về các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của NHTM. Tại quy định này, tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu được xác định là 8% nhưng phương pháp tính đơn giản và chưa phản ánh chính xác tinh thần Basel I. Đến năm 2005, NHNN đã ban hành Quyết định 457/2005/QĐ-NHNN với tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu vẫn là 8%

SUMMARY

Basel Committee leverage ratio framework and practical implementation

Traditionally, leverage ratio is often used for manufacturing companies or trading enterprises. A commercial bank is special company operating on the financial sector, which prominent characteristics are low proportion of equity and high latent risks. In order to limit the risk, international organizations have issued regulations which regulate the minimum level of capital for commercial bank. The global financial crisis has raised the attention on leverage ratio in banking operation. The official Basel 3 leverage ratio is an international convention for each country's central banks set their regulation on leverage ratio and decide specific route. These regulations aim to limit the overuse of mobilized capital, which causes clear consequences during the recent financial crisis. This article reviews the Basel Committee leverage ratio framework and other related ratio, and the practical implementation of leverage ratio framework in some countries after 2010. It is also the suggestion for Vietnam to built an regulatory framework for leverage ratio in banking operation.

THÔNG TIN TÁC GIẢ

Lê Thị Tuấn Nghĩa, Phó Giáo sư, Tiến sĩ

Đơn vị công tác: Viện NCKH Ngân hàng, Học viện Ngân hàng

Lĩnh vực nghiên cứu chính: Tài chính- Ngân hàng, chuyên sâu về chính sách tiền tệ, tỷ giá
Tạp chí tiêu biểu đã có bài viết đăng tải: Tạp chí Ngân hàng, Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng.

Email: tuannghia.hvnh@gmail.com

Trương Hoàng Diệp Hương, Thạc sĩ

Đơn vị công tác: Viện NCKH Ngân hàng, Học viện Ngân hàng

Lĩnh vực nghiên cứu chính: Tài chính- Ngân hàng

Email: diephuong66@gmail.com



nhưng phương pháp tính toán đã tiếp cận tương đối toàn diện Basel I. Năm 2010, NHNN ban hành Thông tư số 13/TT-NHNN thay thế Quyết định 457/2005/QĐ-NHNN, nâng tỷ lệ an toàn tối thiểu lên 9%. Như vậy, quản lý Nhà nước đối với vốn tối thiểu của các NHTM luôn hướng theo chuẩn mực quốc tế. Những quy định này nhằm đảm bảo an toàn cho hoạt động ngân hàng. Tuy nhiên, quy định về mức đòn bẩy tài chính cụ thể là chưa có và đó cũng là vấn đề cần suy nghĩ trong bối cảnh những bất ổn kinh tế tài chính là khó lường và mức độ hội nhập của Việt Nam với thị trường tài chính quốc tế ngày càng sâu rộng. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bank of England (2014), *The Financial Policy's review of the leverage ratio*
2. Balin, B. J. (2008), *Basel I, Basel II, and Emerging Markets: A Nontechnical Analysis. The Johns Hopkins University School of Advanced International Studies*.
3. BCBS (2014), *Basel III leverage ratio framework and disclosure requirements*.
4. BCBS (2011), *Basel III: A global regulatory framework for more resilient banks and banking systems*.
5. BCBS (2014), *Implementation of Basel standards*.
6. BCBS (2004), *International convergence of Capital Measurement and Capital Standards: A Revised Framework*.
7. Ersel, H. (2011), *Basel I and Basel II: History of an evolution*.
8. Goodhart, C. (2011), *The Basel Committee on Banking Supervision: A history of the Early Years, 1974-1997*.
9. Grenville, S. (2013). *Bank buffers behaving badly. businesspectator*.
10. Morgan Stanley (2013), *The top-down and bottom-up case for EU banks, Morgan stanley reseach*.

tiếp theo trang 16

1. Borio, C. F. C. & Lowe, P., 2001. *Pro-cyclicality of Financial System and Financial Stability: Issues and Policy Options. In: BIS Working Paper No. 1. s.l.:s.n., pp. 1-57.*
2. Borst, N., 2013. *China's Credit Boom: New Risk require New Reforms., s.l.: Peterson Institute for Internatonal Economics.*
3. Dell'Ariccia, G. & Marquez, R., 2006. *Lending Booms and Lending. The Journal of Finance, 51(5), pp. 2511-2546.*
4. Duenward, C., Georguiev, N. & Schaechter, A., 2005. *Too Much of a Good Thing? Credit Booms in Transition Economies: The Cases of Bulgaria, Romania, and Ukraine. In: Working paper no. 05/128. Washington DC: International Monetary Fund.*
5. Elekdag, Selin & Wu, Y., 2011. *Rapid Credit Growht: Boom or Boom-bust. In: IMF Working Papers no. 11/241. s.l.:International Monetary Fund.*
6. Kaminsky, G., Lizondo, S. & Reinhart, C., 1998. *Leading indicators of currency crises. IMF Staff Papers, Volume 45.*
7. Levine, R., 1997. *Financial Development and Economic Growth: Views and Agenda. Journal of Economic Literature, 35(2), pp. 688-726.*
8. Magud Nicholas E., Reinhart Carmen M. & Vesperoni Esteban R., 2012. *Capital Inflows, Exchange Rate Flexibility and Credit booms. IMF Working Paper No. 12/41.*
9. Mendoza, E. G. & Terrones, M. E., 2012. *An Anatomy of Credit booms and their demise. In: Working paper in National Bureau of Economic research 1050. Massachusetts Avenue: Cambridge, MA 02138.*
10. Tornell, Aaron & Westermann, F., 2005. *Boom-Bust Cycles and Financial Liberalization. Cambridge, MA: The MIT Press.*
11. Lê Quốc Hội (2013), “Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào bất động sản và bất ổn kinh tế vĩ mô ở Việt Nam”, *T/c Kinh tế & Phát triển số 194 tháng 8/2013*
12. TS. Hà Thị Sáu, *đề tài cấp ngành DTNH 16/2013.*